

Bản án số: 34/2025/DS-PT

Ngày 26 - 02 - 2025

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất và
thừa kế về tài sản là quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh
Ông Đặng Đức Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hà Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Vẹn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19, 26 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 256/2024/TLPT-DS ngày 18/11/2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và thừa kế về tài sản là quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 43/2024/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐ-PT ngày 16/01/2025 và Quyết định thay đổi Thẩm phán tham gia Hội đồng xét xử số 27/2025/QĐ-TĐ ngày 19/02/2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hữu Ú, sinh năm 1942 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ F, khu phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phượng U, sinh năm 1993; địa chỉ: 8 N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt) và ông Đinh Thanh C, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ F, khu phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Địa chỉ: A đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1968, địa chỉ: Tổ B khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ B khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Thanh H: Ông Đặng Thành T, Luật sư thuộc Công ty TNHH MTV Đ3, Đoàn luật sư tỉnh B.

2. Bà Huỳnh Thanh N, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: A tổ A ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Ông Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ B khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Ông Huỳnh Thanh C1, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ B khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Bà Huỳnh Thanh Kim N1 sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ B khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

6. Ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ B khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1968, địa chỉ: Tổ B khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

7. Bà Huỳnh Thanh Thiên H1, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ B khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

8. Bà Huỳnh Thị Thanh T2, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ B khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

9. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1948 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ A khu phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

10. Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ (nay là huyện L); địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Ngọc T3, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

11. Ủy ban nhân dân huyện Đ (nay là huyện L); địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị H2, chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ E Khu phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Ông Nguyễn Ngọc P1, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ E Khu phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ E Khu phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Ông Đoàn Văn T4, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ A Khu phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5. Bà Nguyễn Thị C2, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

6. Ông Trần Tổ H4, sinh năm 1944 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người kháng cáo:

1. Ông Nguyễn Hữu P, là bị đơn trong vụ án;

2. Các ông (bà): Huỳnh Thanh H, Huỳnh Thanh N, Huỳnh Thanh T1, Huỳnh Thanh C1, Huỳnh Thanh Kim N1, Huỳnh Thanh L, Huỳnh Thanh Thiên H1, Huỳnh Thị Thanh T2, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Nguyễn Hữu Ú trình bày:

Đầu năm 2019, ông Nguyễn Hữu P là em của ông Nguyễn Hữu Ú làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 29, 30, 1100, 1260, 1767, 1912, 1775, tờ bản đồ 04, 06, 07 tổng diện tích là 1226,8m² có nguồn gốc là của cha ông Ú để lại cho hai anh em, hiện tại đã chia tài sản ra làm hai phần của ai người đó sử dụng và canh tác nhưng ông Ú chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận. Vào năm 2020 ông P có làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì UBND thị trấn Đ có mời hai anh em để ra giải quyết ngày 17/01/2020, ông Ú và người đại diện theo ủy quyền của ông P là Nguyễn Hữu L2 có ký vào biên bản thỏa thuận với nội dung: ý kiến của ông Nguyễn Hữu P (ủy quyền cho con trai là ông Nguyễn Hữu L2 trình bày theo ý chí của mình) rằng đồng ý cho ông Nguyễn Hữu Ú sử dụng và lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất đang quản lý sử dụng cụ thể: tờ bản đồ 4,6,7 thửa số 1339, 1340, 1763 (Tờ 04), 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 51, 53, GT (Tờ số 6) tổng diện tích 10.688,9m². Ý kiến của ông Ú cũng đồng ý cho ông P sử dụng và lập hồ sơ cấp giấy đối với các thửa đất đang sử dụng và hai bên đã ký vào biên bản đó cam kết không khiếu nại hay tranh

chấp gì về sau. Vợ chồng ông Ú cũng tặng cho thêm cho ông P diện tích 487m² thuộc một phần thửa 1280 theo hồ sơ số Đ 036852020 tại khu phố T, thị trấn Đ mang tên Nguyễn Hữu Ú và Trần Thị T5 cho đồng đều và diện tích đất giữa hai anh em để không phải tranh chấp về sau cũng như vị trí cho thẳng ranh đất, đến nay ông P đã được cấp các phần đất trên và cũng đã bán đi cho người khác, sang tên cho người khác và diện tích đất mà di sản của cha để lại. Còn phần đất của ông Ú thì vẫn canh tác từ năm 1975 đến nay. Tại đơn khởi kiện, ông Ú yêu cầu công nhận cho ông Ú được quyền sử dụng đất đối với tổng diện tích 10.688,9m² thuộc các thửa đất 1339, 1340, 1763 tờ bản đồ 04; thửa đất 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 51, 53, GT tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Theo như nguyên đơn thì nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn T6, ông T6 có 02 con là ông P và ông Ú, ông T6 đã cho đất cho ông P và ông Ú, ông Ú đã ký giấy cho ông P nhưng ông P không ký lại cho ông Ú, nên ông Ú không làm giấy được, ông Ú canh tác trên đất từ năm 1975 đến nay. Đất hiện tại làm nông nghiệp, không có nhà cửa trên đất.

Tại phiên tòa, ông Ú yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Nguyễn Hữu Ú được sử dụng quyền sử dụng đất đối với tổng diện tích đất 10.944,7m² gồm các thửa đất sau đây: Thửa 1763, tờ 04 có diện tích 531,7m²; thửa 1340, tờ 04 có diện tích 333,3m²; thửa 1339, tờ 04 có diện tích 1851,7m²; thửa 23, tờ 06 có diện tích 737,2m², thửa 24, tờ 06 có diện tích 325,9m²; thửa 25, tờ 06 có diện tích 524,7m², thửa 26, tờ 06 có diện tích 409,5m²; thửa 27, tờ 06 có diện tích 390,2m²; thửa 28, tờ 06 có diện tích 288,1m²; thửa 29 tờ 06 có diện tích 100,4m²; thửa 30, tờ 06 có diện tích 203,5m²; thửa 31, tờ 06 có diện tích 219,5m²; thửa 32 tờ 06 có diện tích 490,1m²; thửa 33, tờ 06 có diện tích 382,3m²; thửa 34 tờ 06 có diện tích 702,5m², thửa 35, tờ 06 có diện tích 696,1m²; thửa 51, tờ bản đồ 06 có diện tích 777,9m²; thửa 53, tờ bản đồ 06 có diện tích 409,5m²; thửa 716 (DGT), tờ 06 có diện tích 1570,6m² (Theo Mạnh trích đo địa chính số 887-2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 03/01/2024).

Ông Ú không có tranh chấp các thửa: thửa 1372, tờ 04 có diện tích 26,4m²; thửa 1319, tờ 04 có diện tích 364,8m²; thửa 1341, tờ 04 có diện tích 282m²; thửa 616, tờ 06 có diện tích 16,5m²; thửa 22, tờ 06 có diện tích 10,6m²; thửa 57, tờ 06 có diện tích 0,3m²; thửa 58, tờ 06 có diện tích 13,1m²; thửa 25, tờ 07 có diện tích 65m² theo Mạnh trích đo địa chính số 887-2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 03/01/2024.

Ông Ú không đồng ý với yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thanh N, ông Huỳnh Thanh T1, ông Huỳnh Thanh C1, bà Huỳnh Thanh Kim N1, bà Huỳnh Thanh Thiên H1, bà Huỳnh Thị Thanh T2.

Ông Ú đồng ý kết quả đo vẽ, định giá, không có yêu cầu đo vẽ, định giá lại.

2. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Hữu P là ông Huỳnh Thanh H trình bày:

Ông Nguyễn Hữu P không đồng ý để cho ông Ú được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 1339, 1340, 1763, tờ bản đồ 04; thửa 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 51, 53, GT, tờ bản đồ số 6, tổng diện tích 10.688,9m² tọa lạc tại khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông P cũng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ú.

Theo ông P thì nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông P là ông Nguyễn Văn T6 và bà Trần Thị H5 để lại. Ông T6 là người chồng sau của bà H5. Trước đây, bà H5 kết hôn với ông Huỳnh Văn Đ1 và sinh được 01 người con chung là ông Huỳnh Văn C3. Sau khi ông Đ1 hi sinh thì bà H5 lấy ông T6 và sinh ra một người con chung là ông P. Ông Ú là con riêng của ông T6, nên theo ông P thì ông C3 cũng phải được chia một phần đất do bà H5 để lại. Vợ chồng ông Huỳnh Văn C3 (sinh năm 1943, chết năm 1995) bà Nguyễn Thị S (sinh năm 1950, chết năm 2016) sinh được 08 người con chung là ông Huỳnh Thanh H, sinh năm 1968, bà Huỳnh Thanh N sinh năm 1970, ông Huỳnh Thanh T1 sinh năm 1974, ông Huỳnh Thanh C1 sinh năm 1975, bà Huỳnh Thanh Kim N1 sinh năm 1978, ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1980, bà Huỳnh Thanh Thiên H1 sinh năm 1983, bà Huỳnh Thị Thanh T2, sinh năm 1987. Ông P chỉ đồng ý giao một phần đất cho những người con của ông Huỳnh Văn C3, chứ không đồng ý giao hết cho ông Ú.

Ông P đồng ý kết quả đo vẽ, định giá, không yêu cầu đo vẽ, định giá lại.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thanh N, ông Huỳnh Thanh T1, ông Huỳnh Thanh C1, bà Huỳnh Thanh Kim N1, bà Huỳnh Thanh Thiên H1, bà Huỳnh Thị Thanh T2, ông Huỳnh Thanh H đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Thanh L cùng thống nhất trình bày:

Tại đơn yêu cầu độc lập, những vấn đề cụ thể ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thanh N, ông Huỳnh Thanh T1, ông Huỳnh Thanh C1, bà Huỳnh Thanh Kim N1, ông Huỳnh Thanh L, bà Huỳnh Thanh Thiên H1, bà Huỳnh Thị Thanh T2 yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm: Yêu cầu ông Nguyễn Hữu Ú trả lại quyền quyền sử dụng đất đối với thửa đất 1339, 1340, 1763 tờ bản đồ 04; thửa 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 51, 53 GT tờ bản đồ số 06 và 07, tổng diện tích khoảng 10.688,9m² thị trấn Đ, huyện Đ cho những người thừa kế của ông Huỳnh Văn C3 và bà Nguyễn Thị S là ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thanh N, ông Huỳnh Thanh T1, ông Huỳnh Thanh C1, bà Huỳnh Thanh Kim N1, ông Huỳnh Thanh L, bà Huỳnh Thanh Thiên H1, bà Huỳnh Thị Thanh T2.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thanh N, ông Huỳnh Thanh T1, ông Huỳnh Thanh C1, bà Huỳnh Thanh Kim N1, ông H đại diện cho ông Huỳnh Thanh L, bà Huỳnh Thanh Thiên H1, bà Huỳnh Thị Thanh T2 có yêu cầu độc lập: Yêu cầu ông Nguyễn Hữu Ú trả lại quyền quyền sử dụng đất cho những người thừa kế của ông Huỳnh Văn

C3 và bà Nguyễn Thị S là ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thanh N, ông Huỳnh Thanh T1, ông Huỳnh Thanh C1, bà Huỳnh Thanh Kim N1, ông Huỳnh Thanh L, bà Huỳnh Thanh Thiên H1, bà Huỳnh Thị Thanh T2 đối với thửa đất sau đây: Thửa 1763, tờ 04 có diện tích 531,7m²; thửa 1340, tờ 04 có diện tích 333,3m², thửa 1339, tờ 04 có diện tích 1851,7m²; thửa 23, tờ 06 có diện tích 737,2m², thửa 24, tờ 06 có diện tích 325,9m²; thửa 25, tờ 06 có diện tích 524,7m², thửa 26, tờ 06 có diện tích 409,5m²; thửa 27, tờ 06 có diện tích 390,2m²; thửa 28, tờ 06 có diện tích 288,1m²; thửa 29, tờ 06 có diện tích 100,4m²; thửa 30, tờ 06 có diện tích 203,5m²; thửa 31, tờ 06 có diện tích 219,5m²; thửa 32, tờ 06 có diện tích 490,1m²; thửa 33, tờ 06 có diện tích 382,3m²; thửa 34, tờ 06 có diện tích 702,5m²; thửa 35, tờ 06 có diện tích 696,1m²; thửa 51, tờ bản đồ 06 có diện tích 777,9m²; thửa 53, tờ bản đồ 06 có diện tích 409,5m²; thửa 716 (DGT), tờ 06 có diện tích 1570,6m² theo Mảnh trích đo địa chính số 887-2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 03/01/2024.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thanh N, ông Huỳnh Thanh T1, ông Huỳnh Thanh C1, bà Huỳnh Thanh Kim N1, ông Huỳnh Thanh L, bà Huỳnh Thanh Thiên H1, bà Huỳnh Thị Thanh T2 không tranh chấp các thửa: thửa 1372, tờ 04 có diện tích 26,4m²; thửa 1319, tờ 04 có diện tích 364,8 m²; thửa 1341, tờ 04 có diện tích 282m²; thửa 616, tờ 06 có diện tích 16,5m²; thửa 22, tờ 06 có diện tích 10,6m²; thửa 57, tờ 06 có diện tích 0,3m²; thửa 58, tờ 06 có diện tích 13,1m²; thửa 25, tờ 07 có diện tích 65m² theo Mảnh trích đo địa chính số 887-2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 03/01/2024.

Ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thanh N, ông Huỳnh Thanh T1, ông Huỳnh Thanh C1, bà Huỳnh Thanh Kim N1, ông Huỳnh Thanh L, bà Huỳnh Thanh Thiên H1, bà Huỳnh Thị Thanh T2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đồng ý với kết quả đo vẽ, định giá, không có yêu cầu đo vẽ, định giá lại.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện Đ có ý kiến tại văn bản số 17008/UBND-PTNMT ngày 28/12/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định:

Qua sao lục hồ sơ lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng Đ không có hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất số 1339, 1340, 1763, tờ bản đồ số 4 và thửa đất số 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 51, 53, GT, tờ bản đồ số 6, đất tại thị trấn Đ.

- *Sổ mục kê của UBND xã P (nay là UBND thị trấn Đ) được Sở Địa chính ký duyệt năm 1997 thể hiện:*

+ Thửa đất số 1339, 1340, tờ bản đồ số 4 có tên của ông Nguyễn Hữu Ú và bà Trần Thị T5.

+ Thửa đất số 1763, tờ bản đồ số 4 và thửa đất GT, tờ bản đồ số 6 không có trong sổ mục kê.

+ Thửa đất số 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 51, tờ bản đồ số 6 không có tên chủ sử dụng đất đăng ký.

+ Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 6 có tên của ông Nguyễn Văn Đ2.

- *Sổ mục kê của UBND thị trấn Đ được Sở T8 ký duyệt năm 2006 thể hiện:*

+ Thửa đất số 1339, 1340, tờ bản đồ số 4 có tên của ông Nguyễn Hữu Ú và bà Trần Thị T5.

+ Thửa đất số 1763, tờ bản đồ số 4 và thửa đất GT, tờ bản đồ số 6 không có trong sổ mục kê.

+ Thửa đất số 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 51, tờ bản đồ số 6 có tên của ông Nguyễn Hữu Ú và bà Trần Thị T5.

+ Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 6 có tên của ông Nguyễn Văn Đ2.

- *Sổ mục kê của UBND thị trấn Đ được Sở T8 ký duyệt năm 2013 thể hiện:*

+ Thửa đất số 1339, 1340, tờ bản đồ số 4 có tên của ông Nguyễn Hữu Ú và bà Trần Thị T5.

+ Thửa đất số 1763, tờ bản đồ số 4 có tên của bà Nguyễn Thị L1.

+ Thửa đất số 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 51, tờ bản đồ số 6 có tên của ông Nguyễn Hữu Ú và bà Trần Thị T5

+ Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 6 có tên UBND thị trấn Đ.

UBND huyện đề nghị Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ căn cứ vào nguồn gốc, hiện trạng, quá trình sử dụng đất của đương sự để xét xử theo quy định của pháp luật.

5. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND thị trấn Đ có ý kiến tại Văn bản số 907/UBND-VP ngày 09/8/2024 như sau:

Căn cứ Đơn tường trình nguồn gốc đất ngày 02/8/2024 của ông Nguyễn Hữu Ú, nên ngày 06/8/2024 UBND thị trấn Đ đã tiến hành lấy ý kiến dân cư có liên quan đến nguồn gốc đất của ông Nguyễn Hữu Ú. Qua đó, UBND thị trấn Đ nhận thấy các thửa đất số 1339, 1340, 1763, tờ bản đồ số 04 và các thửa đất số 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 51, 53, tờ bản đồ số 06 hiện nay ông Nguyễn Hữu Ú là người đang trực tiếp canh tác và đã sử dụng từ năm 1975. Đất có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn T6 thừa hưởng của cha mẹ từ trước năm 1975, sử dụng đến năm 1975 cho con là ông Nguyễn Hữu Ú sử dụng liên tục cho đến nay.

6. Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Bà L1 không kê khai đăng ký trong Sổ mục kê và cũng không trực tiếp sử dụng đối với thửa đất số 1763. Bà L1 xác định thửa đất 1763 không phải của bà

L1, mà là của ông Nguyễn Hữu Ú sử dụng từ xưa đến nay. Về thời điểm sử dụng đất của ông Ú thì bà L1 không nhớ cụ thể nhưng bà L1 biết ông Ú đã sử dụng thửa đất số 1763 được vài chục năm rồi. Bà L1 xác nhận bà L1 không có bất cứ tranh chấp nào liên quan đến thửa đất số 1763 này. Bà L1 đồng ý để cho ông Nguyễn Hữu Ú sử dụng thửa đất này và đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy tờ sang tên ông Ú đối với thửa đất số 1763, tờ bản đồ số 4, thị trấn Đ, huyện Đ.

7. Người làm chứng:

- Ông Phan Văn Đ trình bày:

Ông Đ là hàng xóm với nhà ông Nguyễn Văn T6, ông Nguyễn Hữu Ú. Ông Đ biết đất đang tranh chấp này là của cha ông Ú là ông Nguyễn Văn T6 sử dụng. Sau khi ông T6 chết thì ông Ú được hưởng thừa kế và sử dụng diện tích đất này liên tục từ đó đến nay. Ông Đ được biết trước đây ông Nguyễn Hữu P đã được chia đất rồi và ông P cũng đã bán phần đất của ông P cho những người khác; còn phần đất đang tranh chấp trong vụ án này là của ông Ú, ông Ú canh tác sử dụng, không bán nên hiện nay vẫn còn.

Trước khi ông T6 và bà Trần Thị H5 ở với nhau thì bà Trần Thị H5 có một người con riêng với liệt sĩ Huỳnh Văn Đ1 là ông Huỳnh Văn C3. Ông C3 không liên quan gì đến diện tích đất tranh chấp này. Bà H5 lấy ông T6 thì bà H5 để ông C3 sống ở bên nhà nội của ông C3, tức là ông C3 không có sống cùng bà H5 và ông T6 từ nhỏ. Ông C3 cũng không qua thăm nom và chăm sóc với gia đình ông T6.

- Ông Nguyễn Ngọc P1 trình bày:

Ông P1 là hàng xóm với nhà ông T6, ông Ú và ông P1 cũng là họ hàng với ông T6, vì ba của ông P1 là anh em với ông T6. Ông P1 biết đất đang tranh chấp này là của cha ông Ú là ông Nguyễn Văn T6 sử dụng, sau ông T6 chết để cho ông Ú thừa kế và ông Ú sử dụng đến nay. Trước đây ông Nguyễn Hữu P đã được chia, ông P đã bán, phần đất đang tranh chấp trong vụ án này thì là của ông Ú, ông Ú canh tác sử dụng, không bán nên hiện nay vẫn còn. Ông C3 không dính gì đến đất tranh chấp này. Trước khi ông Nguyễn Văn T6 và bà Trần Thị H5 ở với nhau thì bà Trần Thị H5 có một người con riêng là ông Huỳnh Văn C3, ông C3 là con riêng của bà H5 và liệt sĩ Huỳnh Văn Đ1. Bà H5 lấy ông T6 thì bà H5 để ông C3 sống ở bên nhà nội của ông C3, tức là ông C3 không có sống cùng bà H5 và ông T6 từ nhỏ. Từ nhỏ đến lớn thì ông C3 sống với bên nội của ông C3, ông C3 không có qua thăm và không có chăm sóc với gia đình ông T6.

- Ông Nguyễn Văn H3 trình bày:

Ông H3 là hàng xóm với nhà ông T6, ông Nguyễn Hữu Ú và cũng là họ hàng với ông T6, vì ba của ông H3 là anh em với ông T6. Ông H3 biết đất đang tranh chấp này là của cha của ông Ú là ông Nguyễn Văn T6 sử dụng, sau ông T6 chết để cho ông Ú thừa kế và ông Ú sử dụng đến nay. Trước đây ông Nguyễn Hữu P đã được chia rồi, ông P bán hết rồi, phần đất đang tranh chấp trong vụ án này thì là của ông Ú, ông Ú canh tác sử dụng, không có bán nên hiện nay vẫn

còn. Ông C3 không dính dáng gì đến đất tranh chấp này. Trước khi ông Nguyễn Văn T6 và bà Trần Thị H5 ở với nhau thì bà Trần Thị H5 có một người con riêng là ông Huỳnh Văn C3, ông C3 là con riêng của bà H5 và liệt sĩ Huỳnh Văn Đ1. Bà H5 lấy ông T6 thì bà H5 để ông C3 sống ở bên nhà nội của ông C3, tức là ông C3 không có sống cùng bà H5 và ông T6 từ nhỏ. Từ nhỏ đến lớn thì ông C3 sống với bên nội của ông C3, ông C3 không có qua thăm và không có chăm sóc gì với gia đình ông T6.

- Ông Đoàn Văn T4 trình bày:

Ông T4 biết đất đang tranh chấp này là của cha ông Ú là ông Nguyễn Văn T6 sử dụng, sau ông T6 chết để cho ông Ú thừa kế và ông Ú sử dụng đến nay. Trước đây ông Nguyễn Hữu P đã được chia, ông P đã bán, phần đất đang tranh chấp trong vụ án này thì là của ông Ú, ông Ú canh tác sử dụng, không bán nên hiện nay vẫn còn.

- Bà Nguyễn Thị C2 trình bày:

Bà C2 là hàng xóm với nhà ông T6, ông Nguyễn Hữu Ú và cũng là họ hàng với ông T6, vì ba của bà C2 là anh em với ông T6. Trước khi ông Nguyễn Văn T6 và bà Trần Thị H5 ở với nhau thì bà Trần Thị H5 có một người con riêng là ông Huỳnh Văn C3, ông C3 là con riêng của bà H5 và liệt sĩ Huỳnh Văn Đ1. Khi bà H5 lấy ông T6 thì bà H5 để ông C3 sống ở bên nhà nội của ông C3, tức là ông C3 không có sống cùng bà H5 và ông T6 từ nhỏ.

- Ông Trần Tổ H4 trình bày:

Ông H4 là hàng xóm với nhà ông T6, ông Nguyễn Hữu Ú. Trước khi ông Nguyễn Văn T6 và bà Trần Thị H5 ở với nhau thì bà Trần Thị H5 có một người con riêng là ông Huỳnh Văn C3, ông C3 là con riêng của bà H5 và liệt sĩ Huỳnh Văn Đ1. Khi bà H5 lấy ông T6 thì bà H5 để ông C3 sống ở bên nhà nội của ông C3, tức là ông C3 không có sống cùng bà H5 và ông T6 từ nhỏ.

8. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2024/DS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ú đối với ông P về việc ông Ú yêu cầu được quyền sử dụng đất đối với các thửa đất sau đây: Thửa 1763, tờ 04 có diện tích 531,7m²; thửa 1340, tờ 04 có diện tích 333,3m², thửa 1339, tờ 04 có diện tích 1851,7m²; thửa 23, tờ 06 có diện tích 737,2m², thửa 24, tờ 06 có diện tích 325,9m²; thửa 25, tờ 06 có diện tích 524,7m², thửa 26, tờ 06 có diện tích 409,5m²; thửa 27, tờ 06 có diện tích 390,2 m²; thửa 28, tờ 06 có diện tích 288,1m²; thửa 29 tờ 06 có diện tích 100,4 m²; thửa 30, tờ 06 có diện tích 203,5m²; thửa 31 tờ 06 có diện tích 219,5m²; thửa 32 tờ 06 có diện tích 490,1 m²; thửa 33, tờ 06 có diện tích 382,3m²; thửa 34 tờ 06 có diện tích 702,5 m², thửa 35, tờ 06 có diện tích 696,1m²; thửa 51, tờ bản đồ 06 có diện tích 777,9m² theo Mảnh trích đo địa chính số 887-2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 03/01/2024.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ú đối với ông P về việc ông Ú yêu cầu ông Ú được quyền sử dụng đất đối với các thửa đất sau đây: Thửa 53, tờ bản đồ 06 có diện tích 409,5m²; thửa 716 (DGT), tờ 06 có diện tích 1570,6 m² theo Mảnh trích đo địa chính số 887-2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 03/01/2024.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thanh N, ông Huỳnh Thanh T1, ông Huỳnh Thanh C1, bà Huỳnh Thanh Kim N1, ông Huỳnh Thanh L, bà Huỳnh Thanh Thiên H1, bà Huỳnh Thị Thanh T2 đối với ông Nguyễn Hữu Ú về việc yêu cầu ông Nguyễn Hữu Ú trả lại quyền sử dụng đất đối với các thửa đất sau đây: Thửa 1763, tờ 04 có diện tích 531,7m²; thửa 1340, tờ 04 có diện tích 333,3m²; thửa 1339, tờ 04 có diện tích 1851,7m²; thửa 23, tờ 06 có diện tích 737,2 m²; thửa 24, tờ 06 có diện tích 325,9m²; thửa 25, tờ 06 có diện tích 524,7 m²; thửa 26, tờ 06 có diện tích 409,5m²; thửa 27, tờ 06 có diện tích 390,2m²; thửa 28, tờ 06 có diện tích 288,1m²; thửa 29 tờ 06 có diện tích 100,4m²; thửa 30, tờ 06 có diện tích 203,5m²; thửa 31 tờ 06 có diện tích 219,5m²; thửa 32 tờ 06 có diện tích 490,1m²; thửa 33, tờ 06 có diện tích 382,3m²; thửa 34 tờ 06 có diện tích 702,5m²; thửa 35, tờ 06 có diện tích 696,1m²; thửa 51, tờ bản đồ 06 có diện tích 777,9m²; thửa 53, tờ bản đồ 06 có diện tích 409,5m²; thửa 716 (DGT), tờ 06 có diện tích 1570,6m² (Theo Mảnh trích đo địa chính số 887-2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 03/01/2024) cho những người thừa kế của ông Huỳnh Văn C3 và bà Nguyễn Thị S là ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thanh N, ông Huỳnh Thanh T1, ông Huỳnh Thanh C1, bà Huỳnh Thanh Kim N1, ông Huỳnh Thanh L, bà Huỳnh Thanh Thiên H1, bà Huỳnh Thị Thanh T2.

4. Công nhận cho ông Nguyễn Hữu Ú được quyền sử dụng đất đối với các thửa đất sau đây: Thửa 1763, tờ 04 có diện tích 531,7m²; thửa 1340, tờ 04 có diện tích 333,3m², thửa 1339, tờ 04 có diện tích 1851,7m²; thửa 23, tờ 06 có diện tích 737,2m², thửa 24, tờ 06 có diện tích 325,9m²; thửa 25, tờ 06 có diện tích 524,7m², thửa 26, tờ 06 có diện tích 409,5m²; thửa 27, tờ 06 có diện tích 390,2m²; thửa 28, tờ 06 có diện tích 288,1m²; thửa 29 tờ 06 có diện tích 100,4m²; thửa 30, tờ 06 có diện tích 203,5m²; thửa 31 tờ 06 có diện tích 219,5m²; thửa 32 tờ 06 có diện tích 490,1m²; thửa 33, tờ 06 có diện tích 382,3m²; thửa 34 tờ 06 có diện tích 702,5m², thửa 35, tờ 06 có diện tích 696,1m²; thửa 51, tờ bản đồ 06 có diện tích 777,9m² theo Mảnh trích đo địa chính số 887-2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 03/01/2024.

Ông Ú có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước về đất đai để làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai theo Bản án này.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thời hạn thi hành bản án theo quy định.

9. Nội dung kháng cáo:

- Ngày 09/9/2024, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ nhận được đơn kháng cáo của bị đơn - ông Nguyễn Hữu P có nội dung: Yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Ngày 09/9/2024, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ nhận được đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - các ông (bà) Huỳnh Thanh H, Huỳnh Thanh N, Huỳnh Thanh T1, Huỳnh Thanh C1, Huỳnh Thanh Kim N1, Huỳnh Thanh L, Huỳnh Thanh Thiên H1, Huỳnh Thị Thanh T2 có nội dung: Yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

10. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu độc lập; người kháng cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

11. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông (bà): Nguyễn Hữu P, Huỳnh Thanh H, Huỳnh Thanh N, Huỳnh Thanh T1, Huỳnh Thanh C1, Huỳnh Thanh Kim N1, Huỳnh Thanh L, Huỳnh Thanh Thiên H1, Huỳnh Thị Thanh T2 và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 43/2024/DS-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người kháng cáo đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho các đương sự; đương sự vắng mặt đã

có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các ông (bà) Nguyễn Hữu P, Huỳnh Thanh H, Huỳnh Thanh N, Huỳnh Thanh T1, Huỳnh Thanh C1, Huỳnh Thanh Kim N1, Huỳnh Thanh L, Huỳnh Thanh Thiên H1, Huỳnh Thị Thanh T2 thì thấy:

[2.1] Tài sản đang tranh chấp:

Căn cứ vào yêu cầu của các đương sự và M trích đo địa chính số 887-2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 03/01/2024, có cơ sở để xác định tài sản đang tranh chấp là Quyền sử dụng đất gồm: Thửa 1763, tờ 04 có diện tích 531,7m²; thửa 1340, tờ 04 có diện tích 333,3m², thửa 1339, tờ 04 có diện tích 1851,7m²; thửa 23, tờ 06 có diện tích 737,2m²; thửa 24, tờ 06 có diện tích 325,9m²; thửa 25, tờ 06 có diện tích 524,7m²; thửa 26, tờ 06 có diện tích 409,5m²; thửa 27, tờ 06 có diện tích 390,2m²; thửa 28, tờ 06 có diện tích 288,1m²; thửa 29 tờ 06 có diện tích 100,4m²; thửa 30, tờ 06 có diện tích 203,5m²; thửa 31 tờ 06 có diện tích 219,5m²; thửa 32 tờ 06 có diện tích 490, m²; thửa 33, tờ 06 có diện tích 382,3m²; thửa 34 tờ 06 có diện tích 702,5m², thửa 35 có diện tích 696,1m²; thửa 51, tờ bản đồ 06 có diện tích 777,9m²; thửa 53, tờ bản đồ 06 có diện tích 409,5m²; thửa 716 (DGT), tờ 06 có diện tích 1570,6m²; cùng tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[2.2] Quan hệ nhân thân:

Theo xác nhận của các đương sự, có căn cứ để xác định: Ông Nguyễn Hữu Ú là con của ông Nguyễn Văn T6, bà Trần Thị N2; ông Nguyễn Hữu P là con của ông Nguyễn Văn T6, bà Trần Thị H5 và ông Huỳnh Văn C3 là con của bà Trần Thị H5 và ông Huỳnh Văn Đ1.

Ông Nguyễn Văn T6 chết năm 2002, bà Trần Thị N2 (đã chết từ khi ông Ú còn nhỏ); bà Trần Thị H5 chết năm 1980, ông Huỳnh Văn Đ1 (là liệt sĩ) và ông Huỳnh Văn C3 chết năm 1995.

Ông Huỳnh Văn C3 có vợ là bà Nguyễn Thị S chết năm 2016; ông C3, bà S có 08 người con gồm các ông (bà): Huỳnh Thanh H, Huỳnh Thanh N, Huỳnh Thanh T1, Huỳnh Thanh C1, Huỳnh Thanh Kim N1, Huỳnh Thanh L, Huỳnh Thanh Thiên H1, Huỳnh Thị Thanh T2.

[2.3] Xét nội dung kháng cáo của người các ông (bà) Nguyễn Hữu P, Huỳnh Thanh H, Huỳnh Thanh N, Huỳnh Thanh T1, Huỳnh Thanh C1, Huỳnh Thanh Kim N1, Huỳnh Thanh L, Huỳnh Thanh Thiên H1, Huỳnh Thị Thanh T2 về việc yêu cầu ông Nguyễn Hữu Ú trả lại tài sản tranh chấp là Quyền sử dụng đất (gồm các thửa đất tranh chấp được xác định ở Mục 2.1 của Bản án); vì là di sản thừa kế của bà Trần Thị H5, ông Nguyễn Văn T6 chết để lại thì thấy:

Thứ nhất, xét chứng cứ là Tờ bán hai sỏ ruộng lúa ngày 19/3/1953 và T7 khai ruộng của bà Trần Thị H5 năm 1976 thể hiện “Tôi có một mẫu ruộng và 14 sào đất tọa lạc tại xã T, nay tôi già yếu làm không nổi nên giao lại cho con tôi là Nguyễn Hữu P... canh tác để nuôi cha mẹ” thì thấy:

Tại Phiếu yêu cầu xác minh ngày 27/8/2024 của Tòa án thì Ủy ban nhân dân T đã khẳng định: *“Không xác định được 01 mẫu ruộng và 14 sào đất ở vị trí nào, thuộc ấp nào, xã nào của địa phương; đồng thời không thể xác định được 01 mẫu ruộng và 14 sào đất là các thửa đất nào, tờ bản đồ nào của thị trấn Đ...”*. Theo Tờ bản hai sổ ruộng lúa giữa chủ bán Nguyễn Văn K và chủ mua Trần Thị H5, Ủy ban nhân dân thị trấn cũng không xác định được vị trí nào trên địa bàn thị trấn Đ đối với 02 sổ ruộng lúa ở làng T”. Như vậy, chứng cứ là Tờ bản hai sổ ruộng lúa ngày 19/3/1953 và T7 khai ruộng của bà Trần Thị H5 năm 1976 không đủ cơ sở để làm căn cứ xác định thửa đất tranh chấp được liệt kê ở Mục [2.1] của Bản án là di sản thừa kế của bà Trần Thị H5, ông Nguyễn Văn T6 chết để lại.

Thứ hai, theo xác nhận của các đương sự trong vụ án thì: Các thửa đất đang tranh chấp thì hiện nay gia đình ông Nguyễn Hữu Ú là người đang trực tiếp canh tác và đã sử dụng từ năm 1975. Mặc dù, nguồn gốc đất các đương sự đều thừa nhận: ông Ú được cha mẹ chia cho để sử dụng từ năm 1975; tuy nhiên, ông T6, bà H5 không có các giấy tờ theo quy định của pháp luật về đất đai để được công nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, tính đến nay thì ông Ú đã trực tiếp quản lý, sử dụng đất khoảng 49 – 50 năm liên tục vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Quá trình sử dụng, ông Ú đã đứng tên đăng ký kê khai trong hồ sơ đăng ký địa chính của UBND thị trấn Đ. Trong quá trình sử dụng, cha mẹ của ông Ú không có phản đối hay lập bất kỳ văn bản nào thỏa thuận, bản di chúc nào để phân chia đất cho các con. Đối chiếu với quy định tại Điều 100, 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 137, 138 Luật Đất đai năm 2024 thì việc quản lý sử dụng đất của ông Ú đối với phần diện tích đất tranh chấp đã đảm bảo về điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu Ú.

Tuy nhiên, thửa đất 53 do UBND thị trấn Đ đăng ký kê khai và thửa 716 là đất giao thông nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao lại cho UBND thị trấn Đ quản lý là phù hợp.

Như vậy, các ông (bà) Nguyễn Hữu P, Huỳnh Thanh H, Huỳnh Thanh N, Huỳnh Thanh T1, Huỳnh Thanh C1, Huỳnh Thanh Kim N1, Huỳnh Thanh L, Huỳnh Thanh Thiên H1, Huỳnh Thị Thanh T2 không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh để xác định được diện tích đất đang tranh chấp là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T6, bà Trần Thị H5. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để công nhận cho nguyên đơn được sử dụng diện tích đất đang tranh chấp và không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về yêu cầu phân chia di sản thừa kế đối với diện tích đất tranh chấp là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông (bà) Nguyễn Hữu P, Huỳnh Thanh H, Huỳnh Thanh N, Huỳnh Thanh T1, Huỳnh Thanh C1, Huỳnh Thanh Kim N1, Huỳnh Thanh L, Huỳnh Thanh Thiên H1, Huỳnh Thị Thanh T2.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn không kháng cáo nên có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên về nghĩa vụ chịu án phí cho các đương sự đúng quy định của pháp luật về án phí.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên người kháng cáo phải chịu là phù hợp.

[6] Ông Nguyễn Hữu P là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các ông (bà): Nguyễn Hữu P, Huỳnh Thanh H, Huỳnh Thanh N, Huỳnh Thanh T1, Huỳnh Thanh C1, Huỳnh Thanh Kim N1, Huỳnh Thanh L, Huỳnh Thanh Thiên H1, Huỳnh Thị Thanh T2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 43/2024/DS-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ (nay là huyện L); cụ thể:

Áp dụng: Điều 623, 649, 650, 651, 653, 654 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167, 170, 100, 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 137, 138 Luật đất đai năm 2024; Điều 12, 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Ú về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”;

- Công nhận cho ông Nguyễn Hữu Ú được quyền sử dụng đất hợp pháp đối với các thửa đất: Thửa 1763, tờ 04 có diện tích 531,7m²; thửa 1340, tờ 04 có diện tích 333,3m²; thửa 1339, tờ 04 có diện tích 1851,7m²; thửa 23, tờ 06 có diện tích 737,2m²; thửa 24, tờ 06 có diện tích 325,9m²; thửa 25, tờ 06 có diện tích 524,7m²; thửa 26, tờ 06 có diện tích 409,5m²; thửa 27, tờ 06 có diện tích 390,2m²; thửa 28, tờ 06 có diện tích 288,1m²; thửa 29 tờ 06 có diện tích 100,4m²; thửa 30, tờ 06 có diện tích 203,5m²; thửa 31 tờ 06 có diện tích 219,5m²; thửa 32 tờ 06 có diện tích 490,1m²; thửa 33, tờ 06 có diện tích 382,3m²; thửa 34 tờ 06 có diện tích 702,5m²; thửa 35, tờ 06 có diện tích 696,1m²; thửa 51, tờ bản đồ 06 có diện tích 777,9m²; cùng tọa lạc tại thị trấn Đ, huyện L; vị trí và tứ cận được thể hiện trên Bản trích đo địa chính số 887-2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 03/01/2024.

- Ông Nguyễn Hữu Ú được quyền liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về đất đai để làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và theo Bản án này.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Ú đối với ông Nguyễn Hữu P về việc ông Ú yêu cầu ông Nguyễn Hữu Ú được quyền sử dụng đất đối với các thửa đất sau đây: Thửa 53, tờ bản đồ 06 có diện tích 409,5 m²; thửa 716 (DGT), tờ 06 có diện tích 1570,6 m² (Theo Mảnh trích đo địa chính số 887-2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 03/01/2024).

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thanh N, ông Huỳnh Thanh T1, ông Huỳnh Thanh C1, bà Huỳnh Thanh Kim N1, ông Huỳnh Thanh L, bà Huỳnh Thanh Thiên H1, bà Huỳnh Thị Thanh T2 đối với ông Nguyễn Hữu Ú về việc yêu cầu ông Nguyễn Hữu Ú phân chia di sản thừa kế của bà Trần Thị H5, ông Nguyễn Văn T6 là quyền sử dụng đất đối với các thửa đất sau đây: Thửa 1763, tờ 04 có diện tích 531,7 m²; thửa 1340, tờ 04 có diện tích 333,3 m², thửa 1339, tờ 04 có diện tích 1851,7 m²; thửa 23, tờ 06 có diện tích 737,2 m², thửa 24, tờ 06 có diện tích 325,9 m²; thửa 25, tờ 06 có diện tích 524,7 m², thửa 26, tờ 06 có diện tích 409,5 m²; thửa 27, tờ 06 có diện tích 390,2 m²; thửa 28, tờ 06 có diện tích 288,1 m²; thửa 29 tờ 06 có diện tích 100,4 m²; thửa 30, tờ 06 có diện tích 203,5 m²; thửa 31 tờ 06 có diện tích 219,5m²; thửa 32 tờ 06 có diện tích 490,1 m²; thửa 33, tờ 06 có diện tích 382,3 m²; thửa 34 tờ 06 có diện tích 702,5 m², thửa 35, tờ 06 có diện tích 696,1 m²; thửa 51, tờ bản đồ 06 có diện tích 777,9 m²; thửa 53, tờ bản đồ 06 có diện tích 409,5 m²; thửa 716 (DGT), tờ 06 có diện tích 1570,6 m² (Theo Mảnh trích đo địa chính số 887-2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 03/01/2024) cho những người thừa kế của ông Huỳnh Văn C3 và bà Nguyễn Thị S là ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thanh N, ông Huỳnh Thanh T1, ông Huỳnh Thanh C1, bà Huỳnh Thanh Kim N1, ông Huỳnh Thanh L, bà Huỳnh Thanh Thiên H1, bà Huỳnh Thị Thanh T2.

4. Phần diện tích thuộc thửa 53, tờ bản đồ 06 có diện tích 409,5 m² và thửa 716 (DGT), tờ 06 có diện tích 1570,6 m² giao cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ quản lý (Theo Mảnh trích đo địa chính số 887-2023 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 03/01/2024).

5. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Hữu Ú tự nguyện chịu số tiền chi phí tố tụng là 9.296.264 đồng; ông Ú đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thanh N, ông Huỳnh Thanh T1, ông Huỳnh Thanh C1, bà Huỳnh Thanh Kim N1, ông Huỳnh Thanh L, bà Huỳnh Thanh Thiên H1, bà Huỳnh Thị Thanh T2 phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004994 ngày 07/6/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thanh N, ông Huỳnh Thanh T1, ông Huỳnh Thanh C1, bà Huỳnh Thanh Kim N1, ông Huỳnh Thanh L, bà Huỳnh Thanh Thiên H1, bà Huỳnh Thị Thanh T2 đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Hữu Ú, ông Nguyễn Hữu P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Huỳnh Thanh H, bà Huỳnh Thanh N, ông Huỳnh Thanh T1, ông Huỳnh Thanh C1, bà Huỳnh Thanh Kim N1, ông Huỳnh Thanh L, bà Huỳnh Thanh Thiên H1, bà Huỳnh Thị Thanh T2 mỗi người phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0002906, 0002907, 0002908, 0002909, 0002910, 0002911, 0002912, 0002913 ngày 16/9/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông H, bà N, ông T1, ông C1, bà N1, ông L, bà H1, bà T2 đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Hữu P được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 26/02/2025).

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Kèm theo Bản án là Mảnh trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ ngày 03/01/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND huyện Long Đất;
- VKSND huyện Long Đất;
- Chi cục THADS huyện Long Đất;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Xuân Long

